

KẾT QUẢ KINH DOANH

| | | | |
|------------|---------|---------|---------|
| Ngày | 900 VNĐ | | |
| 29/12/2023 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | - | - | - |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| | 2023 | |
| DT thuần | 21.7 | YoY ▲ 8.30 ▲ 62.5% |
| | tỷ VNĐ | |

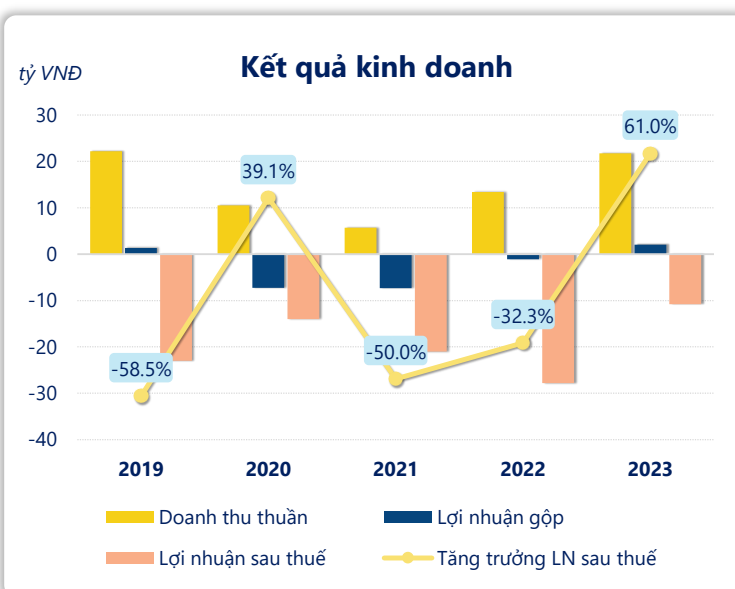
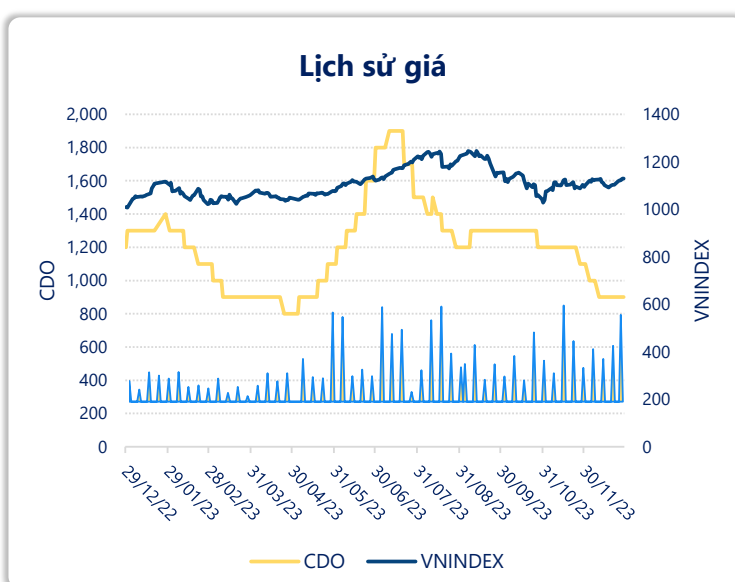
| | | |
|--------|--------|-------------------------|
| | 2023 | |
| LN gộp | 2.05 | YoY ▲ 3.16 ▲ 285% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|----------|--------|--------------------------|
| | 2023 | |
| LN thuần | -10.7 | YoY ▲ 16.6 ▲ 60.7% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | |
|-------------|--------|--------------------------|
| | 2023 | |
| LN sau thuế | -10.8 | YoY ▲ 17.0 ▲ 61.0% |
| | tỷ VNĐ | |

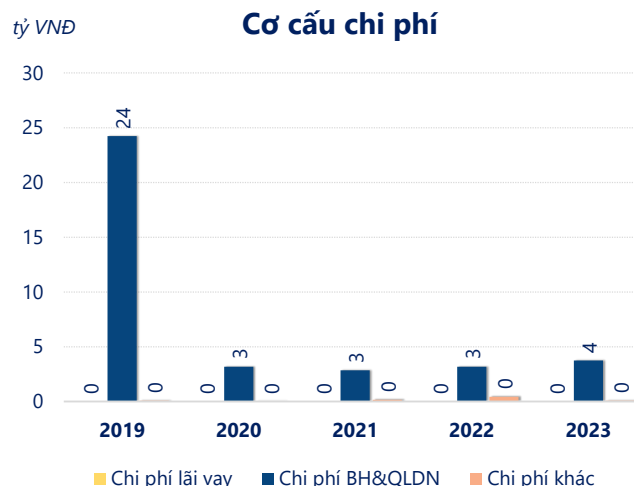
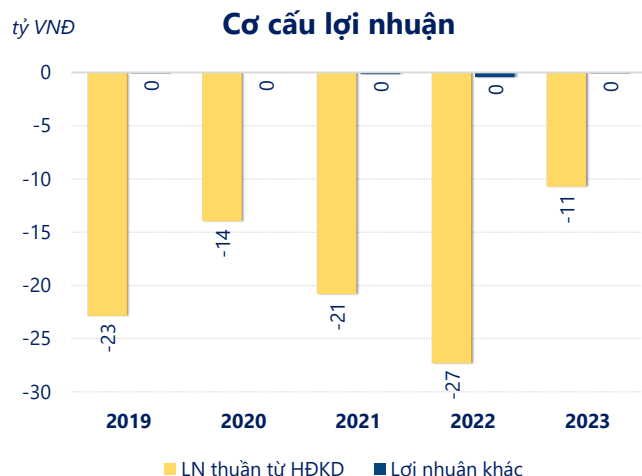
| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | 2023 | |
| ROE | -4.9% | +/- YoY ▲ 6.4% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | 2023 | |
| ROA | -4.4% | +/- YoY ▲ 5.7% |



Kết quả kinh doanh **CDO** năm **2023**, doanh thu thuần **tăng mạnh 62.5%** đạt **21.74** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 61.0%** đạt **-10.82** tỷ đồng.

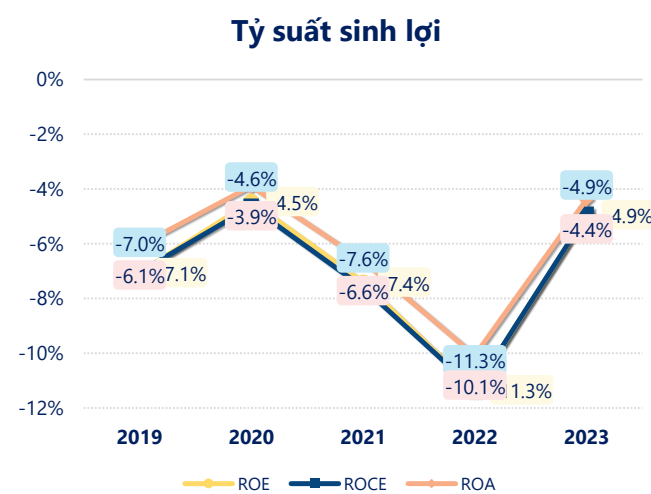
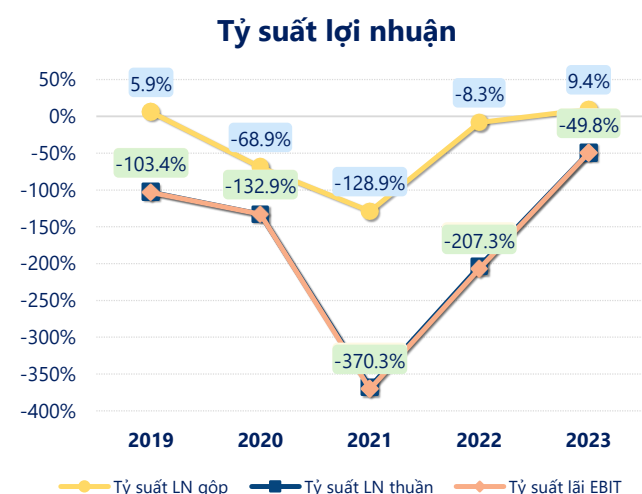
Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -4.94% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **CDO** năm **2023** **tăng lên 16.57** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 10.74 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2022** là 27.30 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **3.75** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.09** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của CDO năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-4.94%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

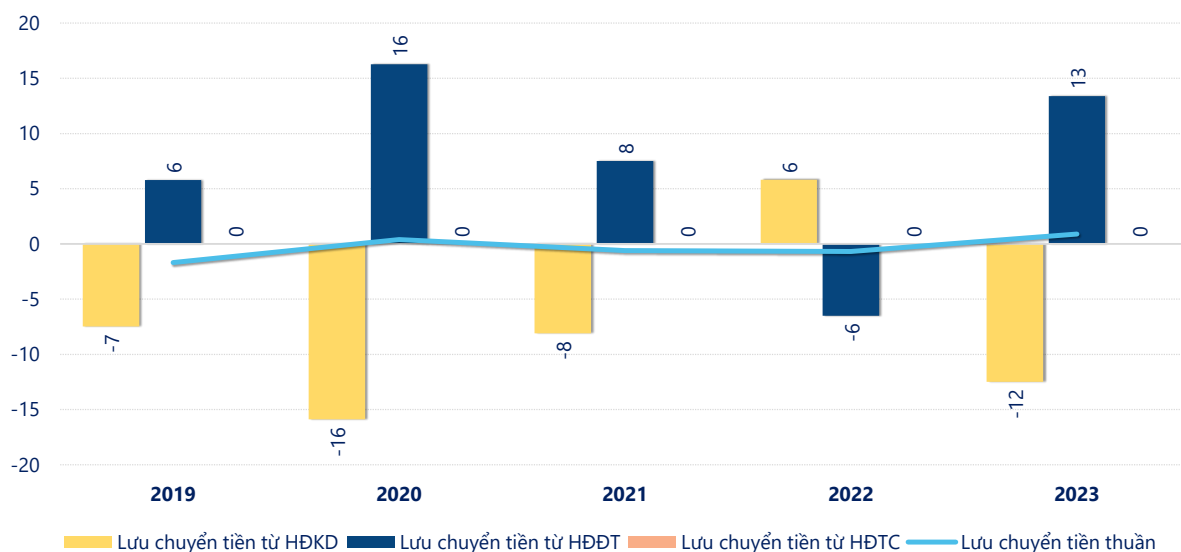


KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

| | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Doanh thu thuần | 22.2 | 10.5 | 5.67 | 13.4 | 21.7 |
| Giá vốn hàng bán | 20.9 | 17.8 | 13.0 | 14.5 | 19.7 |
| Lợi nhuận gộp | 1.31 | -7.25 | -7.31 | -1.11 | 2.05 |
| Doanh thu HĐTC | 0.06 | 0.00 | 0.00 | 1.91 | 3.49 |
| Chi phí TC | 0.00 | 3.56 | 10.7 | 24.9 | 12.5 |
| Chi phí lãi vay | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 24.2 | 3.17 | 2.86 | 3.17 | 3.75 |
| LN thuần từ HĐKD | -22.9 | -14.0 | -20.8 | -27.3 | -10.7 |
| Lợi nhuận khác | -0.07 | -0.02 | -0.16 | -0.44 | -0.08 |
| LN trước thuế | -22.9 | -14.0 | -21.0 | -27.7 | -10.8 |
| Lợi nhuận sau thuế | -23.0 | -14.0 | -21.0 | -27.8 | -10.8 |
| LNST của CĐ cty mẹ | -23.0 | -13.4 | -20.4 | -27.8 | -10.8 |

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền

Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của CDO bằng **0.89** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (-0.69 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-12.48** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **13.37** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.